

Số: 2947../GPMT-UBND

Hải Phòng, ngày 28 tháng 9 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015.

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1435/QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Bệnh viện đa khoa quốc tế Vinmec Hải Phòng do Công ty Cổ phần Bệnh viện đa khoa quốc tế Vinmec làm Chủ đầu tư;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường số 108/VMHP ngày 24 tháng 5 năm 2023 của Chi nhánh Công ty Cổ phần Bệnh viện đa khoa quốc tế Vinmec – Bệnh viện đa khoa quốc tế Vinmec Hải Phòng và hồ sơ kèm theo Văn bản số 171/CV-CMHP ngày 26 tháng 7 năm 2023 về việc chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 549/TTr-STNMT ngày 13 tháng 9 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần bệnh viện đa khoa quốc tế Vinmec (địa chỉ tại số 458, phố Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Bệnh viện đa khoa quốc tế Vinmec Hải Phòng (địa chỉ tại phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng), với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Bệnh viện đa khoa quốc tế Vinmec Hải Phòng.

1.2. Địa điểm hoạt động: phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

1.3. Pháp nhân: Công ty Cổ phần Bệnh viện đa khoa quốc tế Vinmec được Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0106050554, đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 11 năm 2012, đăng ký thay đổi lần thứ 25 ngày 30 tháng 6 năm 2022. Dự án đầu tư Bệnh viện đa khoa quốc tế Vinmec Hải Phòng được Ủy ban nhân dân thành phố chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng tại Quyết định số 2248/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2015. Công ty Cổ phần Bệnh viện đa khoa quốc tế Vinmec có Giấy ủy quyền (thường xuyên) số 193/2022/GUQ-VINMEC JSC ngày 30/6/2022 cho ông Đặng Văn Huy, Giám đốc Bệnh viện – Bệnh viện Đa khoa quốc tế Vinmec Hải Phòng thực hiện các công việc liên quan đến hoạt động của Chi nhánh Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa quốc tế Vinmec – Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Hải Phòng, trong đó có nội dung ký các công văn, báo cáo và các văn bản, tài liệu gửi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

1.4. Mã số thuế: 0106050554.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: lĩnh vực y tế.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Diện tích đất sử dụng: 14.485,0 m².

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí của pháp luật về đầu tư công); Dự án nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Quy mô: 200 giường bệnh.

- Các hạng mục công trình của cơ sở: nhà khám bệnh đa khoa (01 tầng hầm + 8 tầng nổi + tum), trạm điện, nhà bếp, căng tin, nhà rác, nhà khí oxy, trạm gas, 4 nhà bảo vệ, cây xanh, thảm cỏ, sân, đường, bãi đỗ xe.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Bệnh viện đa khoa quốc tế Vinmec:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Bệnh viện đa khoa quốc tế Vinmec có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Tài nguyên và Môi trường nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với nội dung quy định tại Giấy phép môi trường phải kịp thời báo cáo đến Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 28. tháng 9. năm 2023 đến ngày 28...tháng .9... năm 2033).

Điều 4. Giấy phép có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch;
- PCT TT Lê Anh Quân;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường;
- CVP, PCVP Phạm Anh Tuấn;
- Các phòng: NNTNMT, NCKTGS;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Công ty Cổ phần Bệnh viện đa khoa quốc tế Vinmec;
- Cổng thông tin điện tử TP;
- Ủy ban nhân dân quận Lê Chân;
- Lưu: MT, YT, VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Anh Quân



Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND ngày.....tháng.....năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố)**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:****1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: nước thải sinh hoạt (bao gồm nước thải từ bồn cầu, nước thoát sàn, chậu, nước thải từ khu vực nhà bếp).
- Nguồn số 02: nước thải y tế từ hoạt động khám chữa bệnh.
- Nguồn số 03: nước thải từ khu vực giặt đồ.
- Nguồn số 04: nước thải từ kho lưu chứa chất thải.
- Nguồn số 05: dung dịch hấp thụ thải phát sinh từ hoạt động xử lý mùi hôi của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau khi xử lý tại hệ thống xử lý nước thải 200 m³/ngày xả ra hệ thống thoát nước chung của thành phố và xả ra nguồn tiếp nhận là sông Lạch Tray, qua cống Góc Găng.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Tại điểm đầu nối nước thải vào hệ thống thoát nước chung khu vực nằm trên đường Bùi Viện, thuộc địa phận phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: $X(m) = 2303631.265$; $Y(m) = 597326.036$
(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3°).

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải bảo đảm có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra giám sát xả thải theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng nước thải lớn nhất: 200 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: xả thải liên tục (24 giờ/ngày).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 28:2010/BTNMT – Quy chuẩn Kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (cột B, K = 1,2), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	pH	-	6,5-8,5	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại khoản 2 điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	BOD ₅	mg/l	60		
3	COD	mg/l	120		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	60		
8	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	12		
9	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24		
10	Tổng hoạt động độ phóng xạ α	mg/l	0,12		
11	Tổng hoạt động độ phóng xạ β	mg/l	1,2		
12	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000		
13	Salmonella	Vi khuẩn/100ml	KPH		
14	Shigella	Vi khuẩn/100ml	KPH		
15	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/100ml	KPH		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn 01: nước thải sinh hoạt từ bồn cầu được thu gom bằng đường ống PVC D60-90 dẫn vào các bể tự hoại 3 ngăn (số lượng: 07 bể; tổng dung tích

67,32 m³) bố trí ngầm để xử lý sơ bộ, sau đó được bơm theo đường ống thoát nước D60-90 để vào trạm xử lý nước thải tập trung của bệnh viện; nước thải thoát sàn, chậu được thu gom bằng đường ống PVC D60-200 thoát vào hệ thống xử lý nước thải tập trung; nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà bếp được thu gom riêng theo đường ống PVC D160 vào bể tách mỡ 2 ngăn (dung tích 52 m³) chảy qua ống uPVC D110 thoát vào xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn 02: nước thải y tế được thu gom vào đường ống PVC D60-200 vào hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn 03: nước thải từ khu vực giặt đồ được thu gom theo đường ống PVC D60 vào bể lắng (dung tích 10 m³), sau đó theo đường ống PVC D 110 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn 04: nước thải theo đường ống D140 thoát về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn 05: dung dịch hấp thụ thải phát sinh từ hoạt động xử lý mùi hôi của hệ thống xử lý nước thải đưa về bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình xử lý nước thải sinh hoạt:

Nước thải → bể điều hòa → bể sinh học thiếu khí → bể sinh học hiếu khí → bể lắng → bể khử trùng (sử dụng dung dịch Javen) → hố ga thoát nước → hệ thống thoát nước thải chung của khu vực → sông Lạch Tray.

- Công suất thiết kế: 200 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, Nước Javen khử trùng (NaOCl), hóa chất trợ lắng PAC.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng bắt buộc phải lắp đặt (theo quy định tại khoản 2 điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý nước thải.

- Thường xuyên kiểm tra đường ống công nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn; duy trì hiệu suất xử lý của hệ vi sinh vật; bổ sung hoá chất vào bể khử trùng.

- Đảm bảo vận hành và thực hiện bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý, tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình vận hành đã xây dựng.

- Trường hợp xảy ra sự cố không thể khắc phục trong ngày, hệ thống xử lý nước phải ngừng hoạt động, Chủ cơ sở phải lưu giữ nước thải trong hệ thống xử lý hoặc đơn vị có chức năng thu gom, xử lý nước thải theo quy định, không xả nước thải chưa được xử lý đạt yêu cầu ra môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Bệnh viện đa khoa quốc tế Vinmec Hải Phòng đã được Ủy ban nhân dân thành phố cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 1647/GP-UBND ngày 16/7/2018, do đó không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm sau khi được cấp Giấy phép môi trường theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm quy định trước khi xả ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở.

3.4. Đầu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, nước thải đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các quy định về bảo vệ môi trường trong quá trình vận hành Dự án; chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu về tiêu thoát nước và các quy định về bảo vệ môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

3.5. Trong trường hợp công suất, công nghệ của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung không đáp ứng yêu cầu xử lý về lưu lượng, thành phần, tính chất nước thải phát sinh, Công ty có trách nhiệm cải tạo, nâng công suất của các hệ thống xử lý nước thải và hoàn thiện các thủ tục về môi trường theo quy định.

Phụ lục 2**ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND ngày.....tháng.....năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố)

A. NỘI DUNG CẤP GIẤY PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Phòng đặt máy phát điện dự phòng;
- Nguồn số 02: Thiết bị thổi khí của hệ thống xử lý nước thải tại tầng hầm.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ X(m) = 2303565.0; Y(m) = 597393.5.
- Nguồn số 02: Tọa độ X(m) = 2303629.2; Y(m) = 597399.2.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°45' múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung

Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	55	45	-	Khu vực đặc biệt
QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn				

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dB)	Từ 21-6 giờ (dB)		
1	60	55	-	Khu vực đặc biệt
QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung				

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Các thiết bị tại những dây chuyền có công suất lớn, lắp đặt đệm cao su và lò xo chống rung.

- Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định

- Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số..... /GPMT-UBND ngày tháng..... năm
2023 của Ủy ban nhân dân thành phố)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải y tế nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
I	Chất thải lây nhiễm			89.000	
1	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn	Rắn	13 01 01	89.000	NH
	Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn				
	Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao				
	Chất thải giải phẫu				
II	Chất thải nguy hại không lây nhiễm			11.268	
2	Hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	Rắn	13 01 02	720	NH
3	Dược phẩm gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic) thải	Rắn/lỏng	13 01 03	75	NH
4	Các thiết bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân (như nhiệt kế)	Rắn	13 03 02	10	KS
5	Các loại dầu mỡ thải	Rắn/lỏng	16 01 08	620	NH
6	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	30	NH
7	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại, than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý mùi của hệ thống xử lý nước thải	Rắn	18 02 01	813	NH
8	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải bằng vật liệu khác (như composit)	Rắn	18 01 03	4.500	NH

9	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 04	4.500	KS
Tổng				100.268	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn thông thường không sử dụng để tái chế phát sinh khoảng 108 tấn/năm gồm túi nilon, thức phẩm thừa, vỏ trái cây...

- Chất thải rắn thông thường sử dụng để tái chế: khoảng 1.500-4.500kg/năm gồm bì carton, giấy, vỏ chai nhựa PP, PE; can nhựa...

1.3. Khối lượng chất thải khác: bùn thải phát sinh từ hoạt động của hệ thống xử lý nước thải, khối lượng khoảng 3 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải y tế nguy hại:

Bố trí khu vực chứa chất thải diện tích 102,92 m² tại phía Tây Nam khu đất, chia thành 04 kho chứa. Nền kho, tường bên trong kho lát gạch chống thấm, cao độ nền kho cao hơn cao độ nền sân 30cm, đảm bảo không bị nước mưa xâm nhập. Nhà chứa chất thải được ngăn cách thành các kho riêng biệt, có bố trí thiết bị PCCC. Cụ thể:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải lây nhiễm:

- Thiết bị lưu chứa: bố trí các túi màu vàng chứa chất thải lây nhiễm, hộp đựng chất thải sắc nhọn, thùng chứa màu vàng có nắp đậy, dung tích 10-240L/thùng.

- Kho/khu vực lưu chứa: có diện tích khoảng 10,56 m².

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại không lây nhiễm:

- Thiết bị lưu chứa: thùng chứa màu đen có nắp đậy, dung tích 240L/thùng.

- Kho/khu vực lưu chứa: có diện tích khoảng 20,65 m².

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

2.3.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường không sử dụng để tái chế

- Thiết bị lưu chứa: bố trí các thùng chứa chất thải màu xanh, có nắp đậy, dung tích 240 L/thùng, đặt tại các vị trí phát sinh. Bố trí 4 xe thu gom rác lưu động loại 500L cho tổ vệ sinh môi trường để thu gom và lưu giữ rác.

- Kho/khu vực lưu chứa: diện tích khoảng 20,65 m².

2.3.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường sử dụng để tái chế

- Thiết bị lưu chứa: bố trí các thùng chứa màu trắng có nắp đậy, dung tích 240L/thùng.

- Kho/khu vực lưu chứa: diện tích khoảng 20,65 m².

2.3.3. Chất thải rắn thông thường khác

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được chứa tại ngăn chứa bùn của hệ thống xử lý nước thải.

- Bệnh viện có trách nhiệm thu gom, phân loại, chuyển giao các loại chất thải phát sinh cho đơn vị có đầy đủ chức năng, năng lực thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số..... /GPMT-UBND ngày tháng..... năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố)

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn thông thường, chất thải y tế nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 20/2021/BYT ngày 26/11/2021 Quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế. Khu vực lưu giữ chất thải y tế nguy hại, chất thải rắn thông thường phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn thông thường, chất thải y tế nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Thực hiện thu gom, xử lý mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung, đảm bảo không gây ảnh hưởng đến hoạt động khám chữa bệnh của bệnh viện và của khu dân cư xung quanh cụ thể như sau: bố trí đường ống thu hút mùi từ các khối bể xử lý kết nối đến hệ thống tháp xử lý mùi (gồm 01 tháp hấp thụ bằng dung dịch NaOH 5% và 01 tháp hấp phụ bằng than hoạt tính – bố trí tại khu vực điều khiển), công suất quạt hút là 950-1.100 m³/giờ, mùi hôi sau khi được xử lý đi theo đường ống PVC D200, kết nối với hộp kỹ thuật thông lên mái tòa nhà. Định kỳ thay thế lớp than hoạt tính để đảm bảo hiệu quả hấp phụ; thu gom, quản lý lượng than hoạt tính thải, dung dịch NaOH thải theo quy định.

3. Khu vực máy phát điện dự phòng được bố trí tại khu vực riêng mặt sau tòa nhà chính, phía cuối khu đất bệnh viện, máy phát điện được bố trí ống phóng không có đường kính Ø400, chiều cao thoát khí cách 1,5m so với mái và cách 5,5m so với nền sân.

4. Không sử dụng môi chất lạnh cho hệ thống điều hòa không khí nằm trong danh mục cấm; vận hành máy phát điện dự phòng đảm bảo không gây ảnh hưởng đến hoạt động khám chữa bệnh của bệnh viện và của khu dân cư xung quanh.

5. Quản lý hoạt động của các máy chụp X-quang đảm bảo theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

6. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

7. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

8. Đề bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình vận hành cơ sở theo quy định của pháp luật hiện hành.

9. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp có văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.



